

Số 30.03/2026/TB-CT8

Nghệ An, ngày 30 tháng 03 năm 2026

THÔNG BÁO

(Về việc: Công bố thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Kính gửi: - Sở xây dựng tỉnh Nghệ An

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Thực hiện công văn số:1882/SXD-KHCN&VLXD ngày 18/3/2026 của Sở xây dựng Nghệ An về việc triển khai thực hiện quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.
- Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của công ty.

Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng công trình 8 xin thông báo về việc công bố thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Mã số LAS-XD NGA.019 do Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An cấp theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 8756/GCN-SXD ngày 17 tháng 11 năm 2025 sẽ hết hạn và dừng hoạt động kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2030;
2. Thực hiện theo nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng công trình 8 có quyết định công bố thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 30.03/2026/QĐ-CBNL ngày 30 tháng 03 năm 2026. Nội dung quyết định này được công bố công khai tại Website: <https://thinghiemmct.com/cong-bo-nang-luc/>.

Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng công trình 8 chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố trên Website trên.

- Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng công trình 8 trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP Công ty;
- Lưu PTN;

CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH

XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 8



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoài Nam

Số 30.03/2026/QĐ-CBNL
(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí
nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Nghệ An, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Thực hiện công văn số:1882/SXD-KHCN&VLXD ngày 18/3/2026 của Sở xây dựng Nghệ An về việc triển khai thực hiện quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.
- Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của công ty.

**1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố năng lực:
Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng công trình 8.**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901719668 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2014 và thay đổi lần thứ 4 ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Nghệ An cấp;

- Địa chỉ: Số 107 đường Hoàng Trọng Trĩ, phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
- Điện thoại: 0982970909
- Mã số thuế: 2901719668
- Giám đốc : Nguyễn Hoài Nam

2. Thông tin phòng thí nghiệm xây dựng: Phòng thí nghiệm và kiểm định xây dựng

- Địa chỉ: Số 107 đường Hoàng Trọng Trĩ, phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (danh mục kèm theo công bố này)

4. Danh mục thiết bị thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (danh mục kèm theo công bố này)

5. Danh mục thí nghiệm viên (danh mục kèm theo công bố này)

6. Nội dung Quyết định này được công bố công khai tại Website:thinghiemct8.com
Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng công trình 8 cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 8**

Nơi nhận:

Web: <https://thinghiemmct.com/cong-bo-nang-luc/>

Sở xây dựng tỉnh Nghệ An;

Lưu VP.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoài Nam 1

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
TƯƠNG ỨNG ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM**

(Danh mục này kèm theo quyết định số 30.03/2026/QĐ-CBNL ngày 30 tháng 03 năm 2026 của Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng công trình 8)

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
	PHÉP THỬ CƠ LÝ XI MĂNG		
1	Xác định khối lượng riêng, Khối lượng thể tích, độ mịn	TCVN 13605:2023	Sàng (kích thước mắt 0,09mm), cân kỹ thuật (0.01g), Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; TCVN 3736:1982;	Tủ dưỡng hộ, chảo trộn, khuôn (4x4x16cm), bàn dằn tạo mẫu thử công, máy thử độ bền uốn và nén, gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén.
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0.01g), ống đồng, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây, khuôn chứa mẫu.
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Côn thử độ sụt, Que chọc, Phễu đổ hỗn hợp, Thước lá kim loại dài chính xác tới 0,5cm.
5	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993	Khuôn đúc mẫu; Thanh thép tròn đường kính 16mm, dài 600mm, Cân kỹ thuật (0,5g) Thước lá kim loại. Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ
6	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109: 2022	Khuôn đúc mẫu; Bàn rung hoặc bàn dằn; Thanh thép tròn d 16mm, Cân kỹ thuật (0,5g) Sàng kích thước mắt 5mm. Thước lá kim loại. Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ Khay sắt.

7	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022	Bình khối lượng riêng hoặc bình tam giác 100ml Cân kỹ thuật (0,1g), Búa con, cối chà, Bình hút ẩm, Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ, Sàng 2 hoặc 2,5mm, Nước lọc, dầu hoả, cồn 90°.
8	Xác định độ hút nước bê tông	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật chính xác (5g). Thùng ngâm mẫu, Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ, Khăn lau mẫu
9	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Bình hút ẩm; Cân kỹ thuật (0.01g); Thước lá kim loại;
10	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022	Máy thử thấm và phụ kiện Khuôn đúc mẫu
11	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022 ASTM C39/C39M-24 AASHTO T22-10	Máy nén Thước lá kim loại Đệm truyền tải
12	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022 ASTM C39/ C293M-24	Máy thử uốn Thước lá kim loại
13	Xác định cường độ chịu kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022 ASTM C496/C496M	Máy nén Gối truyền tải, Đệm gỗ
14	Xác định cường độ lắng trụ và modun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022	Máy nén Khung đo biến dạng Đồng hồ thiên phân kế
15	THỬ CỐT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG, VỮA VÀ ĐÁ DẪM		
16	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; TCVN 4198:2014; AASHTO T27:11	Cân kỹ thuật (0.1g) Bộ sàng tiêu chuẩn Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ.
17	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	Cân kỹ thuật (0.1g) Tủ sấy; Bình dung tích bằng thủy tinh có miệng rộng dung tích từ 1,05; 1,5 lít và có tấm nắp đậy kín khí;
18	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật (0.1g)

	nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn		Giỏ đựng mẫu cân trong nước; Thùng ngâm mẫu, bằng gỗ hay bằng vật liệu không gỉ; Khăn thấm nước mềm và khô; Thước kẹp; Bàn chải sắt; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ.
19	Tỷ trọng khối và độ hút nước cốt liệu thô	AASHTO T85 ASTM C127-15	Cân kỹ thuật, rọ cân thủy tĩnh, tủ sấy
20	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hỏng	TCVN 7572-06:2006 ASTM C29/C29M-23 AASHTO T19-21	Thùng đong bằng kim loại, hình trụ, dung tích 11; 21; 51; 101 và 201 Cân kỹ thuật (0.01g) Phiếu chứa vật liệu ; Bộ sàng tiêu chuẩn Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ Thước lá kim loại; Thanh gỗ để gạt cốt liệu lớn.
21	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566-19; AASHTO T 255-11	Cân kỹ thuật (0.01g) Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ; Dụng cụ đảo mẫu
22	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; AASHTO T 112-24; ASTM C142-17	Cân kỹ thuật (0.01g) Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ; Thùng rửa cốt liệu; Đồng hồ bấm giây; Tấm kính hoặc tấm kim loại; Que hoặc kim sắt nhỏ.
23	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-09:2006; ASTM C40-23 AASHTO T21-22	Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, 250 ml và 100 ml; Cân kỹ thuật (0.01g) Bếp cách thủy; Sàng có kích thước lỗ 20 mm; Thang màu để so sánh; Thuốc thử: dd NaOH 3%;
24	Xác định cường độ (kháng nén, kháng kéo) và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10: 2006	Máy nén; Máy khoan và máy cưa đá; Máy mài nước; Thước kẹp; Thùng/chậu để ngâm mẫu.

25	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén Xi lanh bằng thép, có đáy rời Cân kỹ thuật (0.5g) Sàng 2.5mm; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ; Thùng ngâm mẫu.
26	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12 : 2006	Máy Los Angeles, Bi thép (8-:-12 viên) Cân kỹ thuật (0.5g) Sàng 1,7 mm; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ;
27	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13 : 2006	Cân kỹ thuật (0.1g) Thước kẹp Bộ sàng tiêu chuẩn Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ;
28	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ thuật (0.01g) Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ Bộ sàng tiêu chuẩn Kim sắt, kim nhôm
29	Hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu	AASHTO T 112-24	Tủ sấy; cân kỹ thuật; sàng; khay đựng mẫu
30	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ thuật (0.01g) Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ Bộ sàng tiêu chuẩn Giấy nhám khổ 330x210mm Đũa thủy tinh
31	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân kỹ thuật; Kính lúp
32	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 75 μm (số 200)	TCVN 9205:2012; AASHTO T11	Cân kỹ thuật (0.01g) Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ Bộ sàng tiêu chuẩn
33	Xác định độ góc cạnh cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	Cân kỹ thuật (0.01g) Tủ sấy, thùng đong hình trụ Phiếu hình nón cụt, giá đỡ, sàng tiêu chuẩn, khay sắt
34	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419 AASHTO T176	Bộ thí nghiệm đương lượng cát (ES)
	ĐẤT, CÁT ĐÁP, CẤP PHỐI ĐÁ DẪM, SỎI, VẬT LIỆU DẠNG HẠT		

35	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Dầu hỏa, Bơm chân không (có cả bình hút chân không), Cân kỹ thuật (0.01g), Bình tỷ trọng (100cm ³), Cối chà sứ (đồng), Sàng 2mm, Bếp cát, Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ; Tỷ trọng kế, Thiết bị ổn nhiệt, Cốc nhỏ hộp nhôm có nắp
36	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ Cân kỹ thuật (0.01g), Hộp nhôm có nắp, Bình hút ẩm, Sàng (1mm), Cối và chà sứ, Khay
37	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T 89-22; AASHTO T 90-23	Các tấm kính nhám, Sàng , Cối và chà sứ, Cân kỹ thuật (0.01g), Hộp nhôm có nắp, Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ, Bát sứ trắng men, Dao để trộn Dụng cụ Casagrande
38	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T27; AASHTO T 90-23	Cân kỹ thuật (0.01g), Bộ sàng; Cối và chà sứ, Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ, Bình hút ẩm, bình đong Quả lê bằng cao su, Dao con, Cân (1g), Tỷ trọng kế, Nhiệt kế (0,5°C), Đồng hồ bấm giây,
39	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:1995	Máy cắt phẳng ứng biến Đồng hồ đo biến dạng, Vòng đo lực ngang, Quả cân (0,1.10 ⁵ N/m ²1.10 ⁵ N/ m ²)
40	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	Máy nén (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng), Các dụng cụ khác: Mẫu chuẩn bằng kim loại,

			<p>Dao gạt đất, Quả cân</p> <p>Dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng,</p> <p>Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ,</p> <p>Cân kỹ thuật (0.01g),</p> <p>Đồng hồ đo biến dạng (vạch 0,01mm).</p>
41	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166	<p>Máy nén (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng),</p> <p>Dao gạt đất, Quả cân</p> <p>Dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng,</p> <p>Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ,</p> <p>Cân kỹ thuật (0.01g),</p> <p>Đồng hồ đo biến dạng (vạch 0,01mm).</p>
42	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 TCVN 10322:14	<p>Dao vòng bằng kim loại</p> <p>Thước kẹp, dao cắt,</p> <p>Cân kỹ thuật (0,01 và 0,1g),</p> <p>Các tấm kính,</p> <p>Hộp nhôm có nắp, Bình hút ẩm</p> <p>Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ,</p>
43	Xác định sức chịu tải vật liệu (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020	<p>Máy nén CBR,</p> <p>Cối đầm loại to (D=152,4mm)</p> <p>Chày đầm cải tiến, cối CBR,</p> <p>Tấm đệm, Tấm đo trương nở,</p> <p>Đồng hồ đo trương nở,</p> <p>Giá đỡ thiên phân kế,</p> <p>Tấm gia tải</p>
44	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020 TCVN 8721:2012 TCVN 4201:2012 AASHTO T99 AASHTO T180	<p>Bộ cối chày đầm</p> <p>Cân. Tủ sấy;</p> <p>Chậu, bay trộn</p>
45	Xác định cường độ kéo ép chế của vật liệu liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011	<p>Máy nén 30KN,</p> <p>Khuôn ép chế</p> <p>Tủ sấy; bể ngâm mẫu</p>
46	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Bộ thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên của đất rời
47	Xác định hàm lượng hữu cơ	AASHTO T267	Tủ sấy, lò nung, cân kỹ thuật,

	của đất bằng phương pháp lònung		sàng 2.0mm, hộp đựng mẫu, bình hút ẩm.
	THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
48	Xác định dung trọng, độ ẩm, của đất, cát bằng PP dao dai	TCVN 12791:2020; TCVN 8829:2012; AASHTO T204	Dao dai tròn bằng thép hay đồng (dung tích 100-200cm ³), Cân kỹ thuật (0.5g), hộp nhôm, Dao gạt đất lưới phẳng, Chảo sậy/ cùn đốt 90° trở lên, Búa đóng loại 0,5kg
49	Xác định độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:2006; TCVN 8730:2012 TCVN 8829:2012	Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, đế định vị). Cát chuẩn, Cùn/ bếp ga Cân cân đợc 15kg (0.5g). Các dụng cụ khác (dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi)
50	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước dài 3m (nhẹ, đủ cứng, độ võng <0,5mm, bằng hợp kim nhôm hay gỗ tốt), nệm bằng kim loại có khắc vạch mm
51	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Cát chuẩn, Ống đong cát Bàn xoa cát hình tròn Bàn chải sắt và bàn chải lông, thước dài khắc vạch 500mm Cân có độ nhạy 0,1g
52	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở đất.
53	Xác định modul đàn hồi “E” nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế. Cần Benkenman hoặc cần đo độ võng Xe chất tải.
54	Xác định modul đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011	Cần Benkenman;
55	Xác định modul biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế.
56	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Thiết bị các bộ phận chính: Súng bật nảy
57	Cọc – phương pháp thí nghiệm	TCVN 9393:2012	Bộ bơm + kích thủy lực, Đồng

	hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục		hồ thiên phân kế, giá chất tải.
58	Sức kháng trượt của bề mặt đường bằng phương pháp con lăn Anh	TCVN 10271:2014	Con lăn anh
59	Xác định cường độ kéo nhỏ giữa cốt thép, bulong và bê tông	TCVN 9490:2012	Kích thủy lực thông tâm + bơm thủy lực bằng tay Bộ ngàm kẹp
60	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN12252:2020; TCXDVN 239:06; TCVN3118:2022	Máy khoan mẫu, máy cắt mẫu, máy nén 3T
61	Lớp phủ, lớp mã kẽm trên bề mặt kim loại	TCVN 5408:2007	Thiết bị đo chiều dày lớp phủ
62	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2018 TCVN 1548:2987	Thiết bị siêu âm mối hàn
	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, KIM LOẠI, MỐI HÀN		
63	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; JIS Z2241:2022	Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu; Thước kẹp, Cân kỹ thuật; Thước lá kim loại.
64	Thử uốn	TCVN 198:2014; JIS Z2248- 2022	Máy kéo, nén vạn năng và phụ kiện (Kính lúp, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)
65	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy kéo, nén vạn năng, máy kéo uốn đầu búa uốn các cỡ,...
66	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010	Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu; thước kẹp; Cân kỹ thuật (0,1g); Thước lá kim loại.
67	Bu lông, vít, vít cây, thanh ren, đai ốc : Xác định độ bền kéo, độ dẫn dài	TCVN 1916:1995	Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, bộ ngàm kẹp;
68	Thí nghiệm thép hình, thép tấm - Xác định kích thước hình học, thử kéo, thử uốn	TCVN 7571:2006 TCVN 1830:2008	Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu; Thước kẹp; Cân kỹ thuật (0,1g); Thước lá kim loại.
69	Xác định dung sai kích thước, khối lượng; Khối lượng chiều	TCVN 9737-1, 2:2013 TCVN 1651-1- :-	Cân điện tử, thước mét, thước cặp, thước thép, thước đo góc,

	dài trên 1 mét chiều dài	2:2018	thước pamer.
	BENTONITE		
70	Cơ lý Bentonite: Xác định khối lượng riêng, Độ nhớt phễu Marsh, Hàm lượng cát, Độ pH, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, lượng tách nước, tỷ lệ keo (độ trương nở), độ ổn định.	TCVN 11893:2017	Bộ thí nghiệm Bentonite: cân tỷ trọng, phễu đo độ nhớt, lực kế cắt tĩnh, quỳ tím...
	VỮA XÂY DỰNG		
71	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003; ASTM C1437	Cân kỹ thuật (0.1g) Bay, chảo trộn mẫu/ máy trộn vữa; Thiết bị thí nghiệm độ linh động
72	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003	Cân kỹ thuật (0.5g) Bình đong bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 lít
73	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121- 8:2003	Môi, thìa xúc bằng thép; Thùng chứa, bay, dao nề; Cân kỹ thuật (0.5g); Chảo trộn.
74	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003	Cân kỹ thuật (0.1g) Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ Thước kẹp; Cân thủy tĩnh.
75	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2003	Khuôn bằng kim loại Chày đầm mẫu Thùng bảo dưỡng mẫu có thể duy trì nhiệt độ $27^{\circ}\text{C} + 2^{\circ}\text{C}$ và độ ẩm $95\% \pm 5\%$; Tấm kính, có diện tích đủ lớn để đặt kín khuôn; Máy thử uốn Máy nén phù hợp
76	Xác định độ hút nước mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2003	Cân kỹ thuật (0.5g); Thùng ngâm mẫu; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ
	GẠCH ĐÁT SÉT NUNG		
77	Xác định kích thước và khuyết	TCVN 6355-1:2000	Máy cưa cắt mẫu; dụng cụ làm

	tật ngoại quan		phẳng mẫu; Máy nén, thước kỹ thuật; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ; thùng ngâm mẫu; cân kỹ thuật có thể cân thủy tĩnh, thùng chứa mẫu khi cân.
78	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	
79	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	
80	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	
81	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	
82	Xác định kích độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	
83	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009	
84	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009	
	GẠCH BÊ TÔNG		
85	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ rỗng; cường độ chịu nén; độ thấm nước; độ hút nước	TCVN 6477:2016	Máy cưa cắt mẫu; dụng cụ làm phẳng mẫu; Máy nén, thước kỹ thuật; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ; thùng ngâm mẫu; cân
	GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
86	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước.	TCVN 6476:1999	Dụng cụ làm phẳng mẫu, Máy nén, thước kỹ thuật; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật.
	GẠCH TEZARO		
87	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, độ bền uốn,	TCVN 7744:2013	Dụng cụ làm phẳng mẫu, Máy nén, thước kỹ thuật, Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật.
	BÊ TÔNG NHẸ		
88	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan. Xác định cường độ nén. Xác định khối lượng thể tích khô. Xác định độ co. Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2017 TCVN 3113:2022	Thước thẳng, thước ke vuông, thước nivô, thước lá, Máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy, Tủ sấy, cân kỹ thuật, thước cặp Tủ sấy, tủ dưỡng mẫu duy trì nhiệt độ 27+-2oc độ ẩm tương đối 45%, cân kỹ thuật, dụng cụ đo độ dài. Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, bình hút ẩm
	ĐÁ TỰ NHIÊN		
89	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước. Độ hút nước; Khối lượng thể tích; Độ bền uốn; Độ chịu mài mòn bề mặt, cường độ chịu nén, độ bền	TCVN 4732:2016 TCVN6415-3-4:2016	Máy cắt mẫu, Cân kỹ thuật, tủ sấy, Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, giỏ đựng mẫu, Máy nén 30T, gổì uốn, Máy kiểm tra độ mài mòn đá tự nhiên

	va đập		
	BỘT KHOÁNG		
90	Xác định thành phần hạt, độ ẩm	22TCN 58:1984 TCVN 12884-2:2020	Bộ sàng tiêu chuẩn Cân kỹ thuật (0,1g); Bát sứ; Bình đựng nước (6-10l); Bình hút ẩm.
91	Chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012	Các tấm kính nhám, Sàng (1mm), Cối và chày sứ Cân kỹ thuật (0.01g), Hộp nhôm có nắp,
92	Lượng mất khi nung	22TCN 58:1984	Lò nung 1000°C, cân kỹ thuật, chén sứ, bình hút ẩm.
93	Xác định khối lượng riêng	22TCN 58:1984 TCVN 8735:2012	Bình khối lượng riêng (100- 500cm ³); Cân kỹ thuật (0.01g); Máy hút chân không; Bình để rửa; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ, Nhiệt kế; Sàng (1,25 và 0,14mm); Bát sứ; Bình hút ẩm;
94	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58:1984	Khuôn để xác định khối lượng thể tích; Cân kỹ thuật (0.01g); Khay đựng; Dao gạt bằng; Chổi lông mềm.
95	Hệ số háo nước	22 TCN 58:1984 TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0.01g; Khay đựng mẫu; Dao gạt bằng, Chổi lông mềm; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ; Bát sứ; Nước cất.
96	Xác định khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng (100-50cm ³); Cân kỹ thuật (0.01g); Máy hút chân không; Bình để rửa; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ,

			Nhiệt kế; Sàng (1,25 và 0,14mm); Bát sứ; Bình hút ẩm;
97	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984	Khuôn để xác định khối lượng thể tích; Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,5g; Khay đựng mẫu; Dao gạt bằng; Chổi lông mềm...
98	Xác định hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng (100-500cm ³); Cân kỹ thuật (0.01g); Máy hút chân không; Bình để rửa; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ, Nhiệt kế; Sàng (1,25 và 0,14mm); Bát sứ; Bình hút ẩm.
99	Độ ẩm	TCVN 12884-2:2020; TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật (0.01g); Hộp ẩm; Dao gạt bằng, Chổi lông mềm; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ;
100	Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật, tủ sấy
101	Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng (100-500cm ³); Cân kỹ thuật (0.01g); Máy hút chân không; Bình để rửa; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ, Nhiệt kế; Sàng (1,25 và 0,14mm); Bát sứ; Bình hút ẩm.
102	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58:1984 TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật (0.01g) Hộp ẩm; Dao gạt bằng, Chổi lông mềm; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ;
	NHỰA BITUM		
103	Xác định độ kim lún và tỷ lệ	TCVN 7495:2005	Máy đo độ kim lún, kim nặng

	độ kim lún còn lại so với độ kim lún ban đầu ở 25oC Chỉ số kim lún PI	Phụ lục A – TCVN 13567-1:2022	100g; Đồng hồ bấm dây, nhiệt kế; Chậu nhôm đáy phẳng (Φ55, cao 35mm); Bình chứa cốc mẫu (≥Φ90, cao ≥55mm); Chậu đựng nước (15l); Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa); Thiết bị điều hòa nhiệt trong phòng.
104	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005	Máy kéo dài (5cm±0,5cm/ph); Khuôn bằng đồng; Nhiệt kế; Chậu đựng nước (15l); Thiết bị gia nhiệt bếp ga, bếp điện hay bếp dầu hỏa, đun chảy nhựa; Dao cắt, gọt nhựa.
105	Xác định điểm hóa mềm (Dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005	Khuôn tròn có đk trong Φ15.9 ± 3mm cao 6.4±4mm để chứa nhựa đường; Bi thép (Φ9,5±0,03mm), nặng 3,5±0,05g, Vòng dẫn hướng của bi thép Bình thủy tinh có dung tích 800ml; Dao cắt, dùng cắt nhựa; Khuôn treo; Nhiệt kế Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa); Dụng cụ và hóa chất cần dùng: Ethylene glycol có điểm sôi giữa 193°C ÷ 204°C; Vadolin (glixerin) để bôi trơn; Nước đá.
106	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005; TCVN 8818-2:2011	Gía có vòng đỡ mẫu; Cốc mẫu bằng đồng ĐK trong

			<p>Φ63 ±1mm Chiều sâu 33 ± 1mm;</p> <p>Nhiệt kế;</p> <p>Đồng hồ bấm giây;</p> <p>Bình ga gia nhiệt.</p>
107	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia 5h nhiệt ở 163°C	TCVN 7499:05	<p>Giá quay tổn thất 5v/p,</p> <p>Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ, hộp nhôm</p>
108	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005	<p>Bình tỷ trọng, chậu ổn nhiệt, nhiệt kế, cốc thủy tinh, nước cất đã khử ion.</p>
109	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504 : 2005	<p>Giá treo bám dính, đồng hồ bấm giây, cốc chứa nhựa..</p>
110	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005	<p>Bình thủy tinh có dung tích 800ml;</p> <p>Dao cắt, dũa cắt nhựa;</p> <p>Nhiệt kế;</p> <p>Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện,...)</p> <p>Dụng cụ và hóa chất cần dùng: Ethylene glycol có điểm sôi giữa 193°C÷ 204°C;</p> <p>Vadolin (glixerin) để bôi trơn; + Nước đá.</p>
111	Độ đàn hồi	TCVN11194:2017	<p>Máy kéo dài (5cm±0,5cm/ph);</p> <p>Khuôn bằng đồng; - Nhiệt kế; - Chậu đựng nước (15l);</p> <p>Thiết bị gia nhiệt bếp ga, bếp điện ...</p> <p>Dao cắt, gọt nhựa.</p>
BÊ TÔNG NHỰA			
112	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	<p>Máy nén Marshall;</p> <p>Khuôn gá kiểu Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy; Nhiệt kế;</p> <p>Bình ổn định nhiệt.</p>
113	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011	<p>Máy chiết li tâm;</p> <p>Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ;</p> <p>Lò nung; Bếp cát; Chén sứ;</p> <p>Cân kỹ thuật</p> <p>Giấy lọc; Các dung môi hoà tan nhựa đường</p>

114	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng tiêu chuẩn Cân kỹ thuật (0.5g); Bát sứ; Chậu rửa; Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ;
115	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông Nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình tỉ trọng kế có khối lượng riêng 250 hay 500cm ³ ; Cân kỹ thuật (0.01g); Máy hút chân không; Chậu rửa; Nước cất;
116	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của BTN đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân kỹ thuật (0.01g) Chậu men (thủy tinh 2-3l); Đúc sẵn 3 mẫu trong khuôn.
117	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại bền nhiệt; Cân kỹ thuật 0.1g; Dụng cụ trộn.
118	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2017	Ống đồng, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt bằng thép; Cân kỹ thuật 0.1g.
119	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Cân kỹ thuật 0.1g Chậu đáy bằng (8-10l cao 150mm), Nhiệt kế;
120	Phương pháp xác định độ rỗng dư và độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-9:2011; TCVN 8860-10:2011	Bình tỉ trọng kế có khối lượng riêng 250 hay 500cm ³ ; Cân kỹ thuật (0.01g); Máy hút chân không;
121	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Bình tỉ trọng kế có khối lượng riêng 250 hay 500cm ³ ; Cân kỹ thuật (0.01g); Máy hút chân không;
122	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Bình tỉ trọng kế có khối lượng riêng 250 hay 500cm ³ ; Cân kỹ thuật (0.01g); Máy hút chân không;
123	Hàm lượng vật liệu nhỏ hơn 0.075mm, xác định bằng phương pháp rửa, %	AASHTO T11	Sàng 0,075; Cân kỹ thuật (0.01g); Tủ sấy có điều khiển nhiệt độ;

DANH MỤC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CHÍNH VÀ THÍ NGHIỆM VIÊN

(Danh mục này kèm theo quyết định số 30.03/2026/QĐ-CBNL ngày 30 tháng 03 năm 2026 của Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng công trình 8)

1. Danh mục thiết bị thí nghiệm chính

STT	Tên máy	Kiểu	Số hiệu	Số lượng	Nơi sản xuất
1	Bộ kích thủy lực	RCH-350 CP-700	24036050928	1	Trung Quốc
2	Kích thủy lực 32 tấn	NA	T02.32	1	Trung Quốc
3	Kích thủy lực 500 tấn	KN500-150	202405	1	Trung Quốc
4	Kích thủy lực 300 tấn	KN300-150	221113	1	Trung Quốc
5	Kích thủy lực 300 tấn	RSC-300100	1713-630A	1	Trung Quốc
6	Thiết bị đo độ cứng bê tông (súng bật nảy)	HT225	03044	1	Trung Quốc
7	Máy siêu âm khuyết tật mối hàn	MFD350B	FD23021502	1	Mỹ
8	Phương tiện đo điện trở tiếp đất	4105A	E8470849	1	Thái Lan
9	Đồng hồ so 0-50mm	Cơ	OB03727	1	Trung Quốc
10	Đồng hồ so 0-50mm	Cơ	OB04159	1	Trung Quốc
11	Đồng hồ so 0-50mm	Cơ	OB04366	1	Trung Quốc
12	Đồng hồ so 0-50mm	Cơ	OB01922	1	Trung Quốc
13	Đồng hồ so 0-10mm	Cơ	2516069	1	Trung Quốc
14	Đồng hồ so 0-10mm	Cơ	2571920	1	Trung Quốc
15	Đồng hồ so 0-30mm	Cơ	66182	1	Trung Quốc
16	Đồng hồ so 0-5mm	Cơ	14952	1	Trung Quốc
17	Cân đĩa điện tử 15kg/1g	Ohaus	02707	1	Nhật bản
18	Cân đĩa điện tử 15kg/1g	Ohaus	02706	1	Nhật bản
19	Cân đĩa điện tử 15kg/0.5g	ALC-15	20250318	1	Trung Quốc
20	Cân đĩa điện tử 15kg/0.5g	ALC-15	20250331	1	Trung Quốc
21	Cân đĩa điện tử 3000g/0,01g	Vibra	03061	1	Nhật bản
22	Thiết bị đo kim lún nhựa đường	IV-2000	2022504	1	Trung Quốc
23	Thiết bị đo độ hóa mềm	SYD-2806E	22R1391	1	Trung Quốc
24	Vòng đo lực máy nén CBR	CBR-2	01-E1470	1	Trung Quốc
25	Máy thử mài mòn Los Angeles	MH-II	Tem	1	Trung Quốc
26	Áp kế máy thử thấm bê tông	HS-40	250532	1	Việt Nam
27	Áp kế 0-:-60Mpa	Lò xo	23116277123	1	Trung Quốc
28	Áp kế 0-:-700kg/cm2	Lò xo	01889	1	Trung Quốc

29	Máy Mài mòn đá tự nhiên	SM-4	240412	1	Việt Nam
30	Máy kéo, nén đa năng 1000KN	WES-1000B	140802	1	Trung Quốc
30	Máy kéo, nén đa năng 1000KN	WA-1000B	1975	1	Trung Quốc
31	Máy thử độ bền nén	TYA-2000	008	1	Trung Quốc
32	Máy thử độ bền nén	TYA-2000	092	1	Trung Quốc
33	Máy thử độ bền nén	TYE-2000	90208	1	Trung Quốc
34	Máy thử độ bền nén	TYE-2000	080	1	Trung Quốc
35	Máy thử độ bền nén	TYE-2000	042	1	Trung Quốc
36	Máy thử độ bền nén	TYA-300	141	1	Trung Quốc
37	Tủ sấy	101-2A	2022242	1	Trung Quốc
38	Bộ thí nghiệm bentonite	-		1	Việt Nam
39	Đồng hồ đo áp suất thiết bị đo chiều dày áo sét bentonite	ZNS-2A	271093	1	Trung Quốc
40	Dụng cụ xác định lực cắt tĩnh của bentonite	MK-QL	-	1	Trung Quốc
41	Máy đo độ dày lớp phủ	EC-900E	2306EC4660 62	1	Trung Quốc
42	Phễu xác định độ lưu lượng của vữa	-		1	Trung Quốc
43	Bộ ngàm thép kéo nhỏ hiện trường	-		1	Trung Quốc
44	Cần benkenman	Cơ khí	250053	1	Việt Nam
45	Thước 3m	-		1	Việt Nam
46	Thùng hấp mẫu xi măng	-		1	Việt Nam
47	Bộ xi lanh nén đập	-		2	Việt Nam
48	Dụng cụ vicat	-		2	Việt Nam
49	Bộ thí nghiệm giới hạn chảy, dẻo Casagrande	-		2	Việt Nam
50	Bàn rung tạo mẫu bê tông	-		1	Việt Nam
51	Thiết bị thử thấm của gạch	-		1	Việt Nam
52	Máy hút chân không	-		1	Trung Quốc
53	Nhiệt kế bức xạ công nghiệp (súng bắn nhiệt độ- Điện tử (-5-:- 400 độ)	Điện tử	01888	1	Trung Quốc
54	Bộ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát	-		1	Việt Nam
55	Máy thử độ bền nén CBR/MARSHALL	LWD-3A	KAR02A006 408	1	Trung Quốc
56	Máy giãn dài nhựa	LYS-1	177	1	Trung Quốc
57	Bể ổn nhiệt Marshall	DHC-57	190928	1	Việt Nam
58	Lò nung 1200oC	KSW-5-12	140701	1	Trung Quốc
59	Máy chiết nhựa	DLC-III	200929	1	Việt Nam

60	Phễu đo độ nhớt	-		1	Việt Nam
61	Bộ cối chày proctor tiêu chuẩn, cải tiến	-		6	Việt Nam
62	Bộ Khuôn CBR	-		15	Việt Nam
63	Máy cắt phẳng	ZT	24274	1	Trung Quốc
64	Máy nén tam liên	WG	0225	1	Trung Quốc
65	Bộ đục độ chặt rót cát bằng nhôm	-		6	Việt Nam
66	Bộ đục độ chặt Dao vòng	-		10	Việt Nam
67	Con lắc Anh thí nghiệm độ chống trượt	BM-III	20250724	1	Trung Quốc
68	Tủ dưỡng hộ xi măng	HBV-40B	2510153	1	Trung Quốc
69	Thiết bị thử đường lượng cát	-		1	Việt Nam
70	Dụng cụ đo độ nhám mặt đường	-		2	Việt Nam

2. Danh sách thí nghiệm viên

ST T	Họ và tên	Trình độ/ văn bằng chứng chỉ	Chức vụ	Công việc thực hiện	Thâm niên
1	Nguyễn Hoài Nam	Kỹ sư cầu đường; Bằng nghề thí nghiệm; Chứng chỉ quản lý PTN; Chứng chỉ thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc; Thí nghiệm không phá hủy	Giám đốc công ty	- Giám đốc công ty. - Điều hành mọi công việc liên quan đến phòng thí nghiệm. - Chịu trách nhiệm chung về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng.	2001
2	Nguyễn Hữu Khương	Kỹ sư cầu đường; Bằng nghề thí nghiệm; Chứng chỉ quản lý PTN	Trưởng Phòng	- Trưởng phòng thí nghiệm. - Giám sát, phân công công việc cụ thể cho từng thí nghiệm viên phù hợp với văn bằng, chứng chỉ được đào tạo; - Chịu trách nhiệm về hồ sơ, tài liệu, sổ sách thí nghiệm phù hợp hệ thống quản lý chất lượng đã xây dựng; - Chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của phòng thí nghiệm do mình phụ trách.	2005
3	Nguyễn Văn Dũng	Kỹ sư cầu đường; Bằng nghề thí nghiệm; Chứng chỉ quản lý PTN	Phó Trưởng Phòng	- Phó phòng thí nghiệm. Quản lý các thiết bị thí nghiệm, lên kế hoạch định kỳ kiểm định/hiệu chuẩn các thiết bị thí nghiệm theo quy định nhằm đảm bảo độ chính xác của phép đo; - Chịu trách nhiệm về hồ sơ, tài liệu, sổ sách thí nghiệm phù hợp hệ thống quản lý chất lượng đã xây dựng;	2002
4	Nguyễn Cảnh Khương	Chứng chỉ siêu âm môi hàn; Chứng chỉ thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc	Thí nghiệm viên	- Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thực hiện các thí nghiệm trong phòng và hiện trường liên quan đến độ toàn vẹn và sức	2025

				chịu tải của cọc, kiểm tra chất lượng mỗi hàn kim loại	
5	Nguyễn Hoàng Tình	Chứng nhận thí nghiệm tính chất Cơ lý của Bê tông và vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm và hiện trường	Thí nghiệm viên	- Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường	2020
6	Nguyễn Đình Công	Bằng tốt nghiệp trung cấp nghề thí nghiệm vật liệu xây dựng	Thí nghiệm viên	- Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thực hiện các thí nghiệm trong phòng và hiện trường liên quan đến các thí nghiệm cơ lý vật liệu xây dựng;	2010
7	Hồ Văn Cường	Chứng nhận thí nghiệm tính chất Cơ lý của Bê tông và vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm và hiện trường	Thí nghiệm viên	- Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường	2020
8	Phạm Văn Hùng	Chứng chỉ thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường; Chứng chỉ thí nghiệm viên: Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của bê tông nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm và hiện trường;	Thí nghiệm viên	- Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường. - Thí nghiệm các tính chất cơ lý của bê tông nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường	2009
9	Dương Văn Sơn	Chứng chỉ thí nghiệm viên: Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của bê tông nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm và hiện trường;	Thí nghiệm viên	- Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm các tính chất cơ lý của bê tông nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường	2019

10	Nguyễn Đình Tuấn	Bằng nghề, trung cấp nghề thí nghiệm vật liệu	Thí nghiệm viên	- Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thực hiện các thí nghiệm trong phòng và hiện trường liên quan đến các thí nghiệm cơ lý vật liệu xây dựng;	2007
11	Phạm Văn Điền	Bằng nghề, trung cấp nghề thí nghiệm vật liệu xây dựng; Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường, kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc	Thí nghiệm viên	- Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thực hiện các thí nghiệm trong phòng và hiện trường liên quan đến các thí nghiệm cơ lý vật liệu xây dựng. - Thực hiện các thí nghiệm hiện trường liên quan đến độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc.	2005
12	Nguyễn Thanh Huyền	Bằng nghề, Thí nghiệm vật liệu đường bộ	Thí nghiệm viên	- Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thực hiện các thí nghiệm trong phòng và hiện trường liên quan đến vật liệu cầu đường bộ	2003

**CÔNG TY CP TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 8**



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoài Nam